TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ** Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST Ngày: 21/8/2018 *V/v Tranh chấp ly hôn, con chung chung khi ly hôn.*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Khải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Ngọc Ánh.

2. Ông Nguyễn Gia Thắng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Đinh Trọng Nho - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2018/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N**,sinh năm 1990.
Địa chỉ: Xóm K B, xã Y S, huyện M, tỉnh Phú Thọ
(Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Đặng Văn T**, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Xóm K B, xã Y S, huyện M, tỉnh Phú Thọ
(Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/5/2018, bản tự khai ngày 04/6/2018 nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N kết hôn với anh Đặng Văn T năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y S, huyện M, tỉnh Phú Thọ. Sau thời gian kết hôn vợ chồng sống chung cùng với gia đình anh T được khoảng một năm thì vợ chồng ra ở riêng sinh sống tại xã Y S, tình cảm vợ chồng thời gian đầu kết hôn hòa thuận

hạnh phúc, tuy nhiên chỉ được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay không ai còn hỏi han quan tâm đến nhau, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị N trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Đặng Ngọc G, sinh ngày 14/7/2012, hiện cháu đang ở với chị N khi vợ chồng sống ly thân. Khi ly hôn chị N đề nghị xin được nuôi cháu G đến khi thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị G làm công nhân của công ty may tại Hà Nội, có chỗ ăn ở ổn định, thu nhập trung bình từ 7 đến 8 triệu/1 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị N trình bày không có nên không đề nghị Tòa án xem xét.

Phía bị đơn, anh Đặng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại khu hành chính xóm K B, xã Y S về tình trạng hôn nhân giữa giữa chị N và anh T, lấy lời khai của bố đẻ anh T. Tại biên bản xác minh ngày 21/6/2018 Trưởng khu hành chính xóm K B là ông Nguyễn Quốc H cho Tòa án biết chị N và anh T đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm K B, xã Yên S, huyện M, tỉnh Phú Thọ. Năm 2011 chị N và anh T xây dựng gia đình, sinh sống tại xã Y S. Quá trình chung sống chị N và anh T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không hợp nhau dẫn đến cãi nhau, hiện nay vợ chồng sống ly thân không còn ở chung với nhau, anh T đi làm ăn không ở địa phương, thỉnh thoảng anh có về nhà chơi, khi về nhà chơi thì phần lớn thời gian anh T ở bên nhà bố mẹ đẻ ở xóm C, xã Y S. Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/6/2018 của ông Đặng Văn M là bố đẻ anh T xác định: Năm 2011 anh T có kết hôn với chị N, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y S, huyện M, sau thời gian kết hôn vợ chồng chung sống chung với gia đình ông được một năm thì vợ chồng cắt khẩu ra ở riêng tại xóm K B, xã Y S. Trong cuộc sống chung vợ chồng giữa anh T và chị N có mâu thuẫn phát sinh, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau, không tôn trọng và chia sẻ với nhau công việc gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay không còn chung sống cùng nhau, chị N đã về nhà bố mẹ đẻ để ở. Về con chung: Ông M xác định anh T và chị N có một con chung là cháu Đặng Ngọc G, sinh ngày 14/7/2012, hiện cháu đang ở với chị N từ khi vợ chồng sống ly thân. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp ông M trình bày anh Trường và chị N không có. Hiện nay anh T đi làm ăn xa, ông M cũng không biết địa chỉ cụ thể nhưng anh T vẫn thỉnh thoảng về nhà chơi, khoảng một hoặc hai tháng anh về nhà

chơi mấy ngày rồi lại đi làm ăn. Tuy anh T đã có nhà ra ở riêng tại xóm K B, xã YS nhưng khi có thời gian về nhà chơi thì anh T lại về nhà ông ở xóm C, xã Y S để ăn ở chung cùng với gia đình. Gia đình có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, có thông báo đến anh T, khi anh T về nhà chơi gia đình ông M có nói chuyện về việc chị N xin ly hôn, anh T có biết việc đó nhưng anh bảo với ông là công việc bận, xin nghỉ được ít ngày nên không có thời gian xuống Tòa án, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N, xử cho chị N được ly hôn anh Đặng Văn T. Về con chung: Giao cháu Đặng Ngọc G, sinh ngày 14/7/2012 cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị N trình bày không có nên không xem xét. Về án phí: Chị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 21/5/2018 chị Trần Thị N nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn đối với anh Đặng Văn T, được Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về sự vắng mặt của các đương sự, nguyên đơn chị Trần Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 13/7/2018. Bị đơn anh Đặng Văn T được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N, anh T là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã YS, huyện M, tỉnh Phú Thọ, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị N và anh T chung sống hòa thuận hạnh phúc một thời gian, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến cãi nhau, vợ chồng sống ly thân một thời gian dài không còn quan tâm đến nhau nữa. Bản thân anh T không đến Tòa án để làm việc nên không có quan điểm gì về việc ly hôn. Qua kết quả xác minh và lời khai của ông M thấy phù hợp với lời trình bày của chị N, có căn cứ khẳng định chị N và anh T không còn chung sống với nhau một thời gian dài, giữa hai vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, tình trạng hôn nhân của chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Đặng Ngọc G, sinh ngày 14/7/2012, hiện cháu đang ở với chị N từ khi vợ chồng sống ly thân. Khi ly hôn chị N đề nghị xin được nuôi con chung đến khi thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T vắng mặt nên không có quan điểm gì về con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu G còn nhỏ nên cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, từ khi ly thân đến nay cháu G ở với chị N được chị nuôi dưỡng ăn học đầy đủ. Mặt khác, anh T thường xuyên đi làm ăn xa nhà, từ khi sống ly thân không thường xuyên quan tâm đến con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu G cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị N tự nguyện không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị N phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N. Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Đặng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Ngọc G, sinh ngày 14/7/2012 cho chị Trần Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 8 năm 2018 đến khi cháu thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc Hôn nhân và gia đình. Xác nhận chị N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2010/009870 ngày 28/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn. Nay chuyển thành án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện;*
- *Cơ quan THADS huyện;*
- *UBND xã Yên Sơn;*
- *Lưu VT, Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Quang Khải